TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Minh.
2. Bà Trần Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 26/7/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1997. (Có mặt)
Địa chỉ: Xóm 7, khu phố P, thị trấn P1, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1996. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 19 hẻm C2, xã B1, huyện B, Tp.Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn B1 tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 18/4/2017 (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn P1). Trong quá trình chung sống, bà B và ông B1 thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, bà B và ông B1 không còn chung sống từ năm 2019 đến nay và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, hiện nay ai cũng có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B ly hôn ông Nguyễn Văn B1.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, bà B và ông B1 có 01 con chung là Nguyễn Duy B2 sinh ngày 04/6/2016, hiện nay bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông B1 phải cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn không có mặt tại Tòa án.

Bị đơn Nguyễn Văn B1 có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến: Thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Về việc tuân theo pháp luật, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Duy B2 sinh ngày 04/6/2016, đề nghị giao con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn B1 và tranh chấp nuôi con chung do đó Tòa án thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong là nơi nguyên đơn cư trú là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn B1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phú (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn P1) nên hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, bà B và ông B1 không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2019 đến nay và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà B yêu cầu ly hôn ông B1. Ông B1 cũng thống nhất ly hôn bà B. Như vậy tình trạng

hôn nhân của bà B và ông B1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Bà B và ông B1 có 01 con chung là Nguyễn Duy B2 sinh ngày 04/6/2016, bà B yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Nguyễn Duy B2 cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ, ông B1 cũng thống nhất theo yêu cầu của bà B. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Nguyễn Văn B1.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Duy B2 sinh ngày 04/6/2016 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017086 ngày 01/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn P1, huyện Tuy Phong (CNKH số 13 ngày 18/4/2017 của UBND xã Hòa Phú);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Vũ